

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĂN CHO TRẺ EM 3-5 TUỔI

Từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2026.Năm học 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND phường Mường Thanh)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng				Số tháng	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Tổng kinh phí	Họ tên chủ tài khoản nhận chế độ	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Quan hệ với học sinh	Ghi chú
				Cận nghề o	Hộ nghèo	Xã, thôn đặc biệt khó khăn	Khuyết tật		Định mức	Thành tiền	Định mức	Thành tiền						
	A	B	1	2	3	4	5	6	6	7=6x5	8	9=8x6	10=9+7	11	12	13	14	15
IV	Trường Mầm non Noong Bua					6	0	30		10,800,000		4,500,000	15,300,000					
1	Lường Minh Quân	17/09/2021	MG Nhỡ C1			1		5	360,000	1,800,000	150,000	750,000	2,550,000	Tòng Thị Hoa	103871106857	Vietinbank	Mẹ đẻ	
2	Vừ Thị Hồng Châu	20/04/2021	MG Nhỡ C1			1		5	360,000	1,800,000	150,000	750,000	2,550,000	Vàng Thị Mỹ Hà	101 881 533 163	Vietinbank	Mẹ đẻ	
3	Vũ Khánh Huyền	30/07/2022	MG Bé B1			1		5	360,000	1,800,000	150,000	750,000	2,550,000	Lường Thị Thúy	8875853471	BIDV	Mẹ đẻ	
4	Vàng Minh Hải	28/12/2022	MG Bé B2			1		5	360,000	1,800,000	150,000	750,000	2,550,000	Giàng Thùy Tinh	106873210297	Vietinbank	Mẹ đẻ	
5	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	22/02/2022	MG Bé B2			1		5	360,000	1,800,000	150,000	750,000	2,550,000	Nguyễn Thị Vân Anh	101007058600	Vietinbank	Mẹ đẻ	
6	Lò Thảo Vy	11/04/2022	MG Bé B2			1		5	360,000	1,800,000	150,000	750,000	2,550,000	Lò Văn Cương	62859999	Vietinbank	Bố đẻ	